

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 145/TTr-SNNMT ngày 05/02/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Lâm Anh Chemtech Vina, địa chỉ tại: Khu Cửa Bảo, thôn Dĩnh Tân, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là xã Tân Dĩnh, tỉnh Bắc Ninh) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất sơn” tại lô 17, CCN Nội Hoàng, phường Tiên Phong, tỉnh Bắc Ninh, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên Dự án: Nhà máy sản xuất sơn.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô 17, CCN Nội Hoàng, phường Tiên Phong, tỉnh Bắc Ninh (Thuê nhà xưởng số 06 của Công ty TNHH Vận Tải Việt Chiến).

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 2400990193 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang (nay là Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh) cấp, đăng ký lần đầu ngày 03/5/2024.

- Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, mã số địa điểm kinh doanh 00001 do phòng Đăng ký kinh doanh và Quản lý doanh nghiệp thuộc Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh cấp, đăng ký lần đầu ngày 10/6/2025.

1.4. Mã số thuế: 2400990193.

1.5. Loại hình sản xuất: Sản xuất sơn.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.6.1. Phạm vi:

- Diện tích: 1.709,49 m².

- Nhóm dự án:

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

+ Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III (*Dự án thuộc số thứ tự 2 mục 2 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ*).

1.6.2. Quy mô, công suất của Dự án:

- Sản xuất sơn (sơn UV, sơn PU và sơn nước trên bề mặt các chất liệu nhựa, kim loại...của sản phẩm điện tử, gia dụng công nghiệp) với công suất: 455 tấn/năm.

1.6.3. Quy trình sản xuất:

- Quy trình sản xuất sơn:

Nguyên liệu → Định lượng → Khuấy trộn + (1) → Phun sơn kiểm tra chất lượng → Lọc → Sản phẩm → Đóng gói, lưu kho, chờ xuất hàng.

(1): Nhựa acrylic Resin (dạng bột) + dung môi → Nghiền.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Thực hiện các yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH Lâm Anh Chemtech Vina có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Lâm Anh Chemtech Vina có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan chức năng địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan chức năng địa phương để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 30/5/2030.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND phường Tiên Phong và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Nhà máy sản xuất sơn” được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 1175/QĐ-SNNMT ngày 19/12/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chịu trách nhiệm trước pháp luật

về tính chính xác của các thông tin, số liệu và kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất sơn”.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND phường Tiên Phong; Công ty TNHH Lâm Anh Chemtech Vina và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, THĐT;
Trung tâm Thông tin tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (trả kết quả);
- Phòng QLMT-Sở NN&MT (lưu hồ sơ);
- Lưu: VT, KTN_{Tân}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Quang Khải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cụ thể:

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 2 m³/ngày đêm của dự án để xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của CCN Nội Hoàng trước khi thoát vào hố ga thu gom nước thải sau xử lý của Công ty TNHH Vận tải Việt Chiến (đơn vị cho thuê xưởng), sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN Nội Hoàng để tiếp tục xử lý, dự án không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

- Nước thải sản xuất: Dung môi thải bỏ từ quá trình vệ sinh thiết bị được thuê đơn vị thu gom xử lý như chất thải nguy hại.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Toàn bộ nước thải sau khi xử lý sơ bộ qua 01 bể tự hoại 3 ngăn dung tích 5m³ được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 2m³/ngày đêm của dự án bằng đường ống PCV D110, dài khoảng 30m. Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của CCN Nội Hoàng trước khi thoát vào hố ga thu gom nước thải sau xử lý của đơn vị cho thuê xưởng, sau đó đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN Nội Hoàng.

- Nước thải sản xuất: Dung môi thải bỏ từ quá trình vệ sinh thiết bị thu gom lưu giữ trong thùng chứa 200lit sau đó thuê đơn vị thu gom, xử lý như chất thải nguy hại (CTNH).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ → Bể gom + điều hòa → Ngăn thiếu khí → Ngăn hiếu khí kết hợp màng lọc MBR → Ngăn khử trùng → Hố ga nước thải sau xử lý của đơn vị cho thuê xưởng → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN Nội Hoàng.

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ MBR.

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý: 2 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Chế phẩm Emic (EM); Dinh dưỡng Metanol; Hóa chất khử trùng; Hóa chất vệ sinh màng lọc Javen.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Bố trí cán bộ vận hành hệ thống xử lý nước thải có chuyên môn, nắm được cơ chế hoạt động của hệ thống cũng như nắm được các phương án khắc phục sự cố.

- Cán bộ vận hành phải được trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động, cụ thể trong các công đoạn châm hoá chất.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho kỹ thuật viên vận hành hệ thống.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố

- Dừng hoạt động hệ thống xử lý nước thải để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của hệ thống và phải dừng hoạt động của hệ thống khắc phục sự cố trong vòng 1 ngày, thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

- Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả của bể hiếu khí và màng lọc MBR.

+ Tương tự đối với từng thông số sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Theo đề xuất của chủ dự án, dự kiến từ tháng 04/2026 đến tháng 05/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 2m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước thải đầu vào và đầu ra sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

+ Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, COD, Tổng dầu mỡ khoáng, Amoni, tổng Nitơ, tổng Photpho, tổng Coliform.

+ Tiêu chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của CCN Nội Hoàng.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, cụ thể như sau: Quan trắc ít nhất 01 mẫu đơn nước thải đầu vào và 03 mẫu đơn nước thải sau xử lý trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định (tần suất 01 lần/ngày).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của CCN Nội Hoàng và đấu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN Nội Hoàng, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành công trình xử lý nước thải./.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: 03 nguồn

- Nguồn số 01: Từ quá trình nghiền;
- Nguồn số 02: Từ quá trình khuấy trộn;
- Nguồn số 03: Từ quá trình phun sơn kiểm tra chất lượng.

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải

2.1. Dòng khí thải: 01 dòng khí thải tương ứng với ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ quá trình khuấy trộn, nghiền, phun sơn kiểm tra chất lượng (nguồn số 01, 02, 03).

2.1. Vị trí xả khí thải: 01 vị trí (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}00'$, múi chiếu 3°):

Tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ quá trình khuấy trộn, nghiền, phun sơn kiểm tra chất lượng.

Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2350121; Y = 413582.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $14.000\text{m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian hoạt động (8 giờ/ngày).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột B), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm	Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN19:2024/BTNMT (cột B)	
1	Lưu lượng	mg/Nm^3	-	Không thuộc đối tượng
2	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi	mg/Nm^3	≤ 120	
3	Xylen	mg/Nm^3	≤ 100	
4	Toluen	mg/Nm^3	≤ 40	
5	Styren	mg/Nm^3	≤ 100	
6	Tricloetylen	mg/Nm^3	≤ 90	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải:

- Khí thải hữu cơ phát sinh từ máy khuấy trộn sẽ được thu gom bằng ống PVC D100 tổng chiều dài khoảng 15m dẫn vào đường ống dẫn khí chính.

- Khí thải hữu cơ từ máy phun sơn kiểm tra chất lượng của sản phẩm sẽ được thu gom bằng ống hút PVC D400 dài khoảng 2m, sau đó dẫn vào đường ống dẫn khí chính.

- Mùi từ máy nghiền được thu gom bằng chụp hút kích thước: DxH =0,8x0,4 (m) vào đường ống PVC D100 tổng chiều dài khoảng 3m, sau đó dẫn vào đường ống dẫn khí chính.

Đường ống dẫn khí chính bằng ống PVC với các kích thước: D200 dài 5m; D250 dài 6,7m; D300 dài 8,7m; D400 dài 8m thu gom khí thải về hệ thống xử lý để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút/ống hút → Tháp hấp phụ → Quạt hút → Ống thoát khí thải (Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột B)

- Công suất: 14.000m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đường ống dẫn khí, các van dẫn khí, quạt hút...trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Tiến hành các biện pháp làm thông thoáng nhà xưởng để tránh gây ảnh hưởng đến công nhân khi sự cố xảy ra.

- Có nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của công nhân vận hành hệ thống xử lý khí thải tại nhà máy, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

1.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố:

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại nhà máy, đồng thời dừng hoạt động và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 4/2026 đến tháng 5/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- 01 hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình khuấy trộn, nghiền, phun sơn kiểm tra chất lượng.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình khuấy trộn, nghiền, phun sơn kiểm tra chất lượng.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, cụ thể như sau: Quan trắc mẫu đơn sau xử lý trong vòng 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định (tần suất 01 lần/ngày).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này, trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải; lập nhật ký vận hành công trình xử lý.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu ra môi trường.

3.4. Thực hiện kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định./.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 03 nguồn

- Nguồn số 01: Từ khu vực nghiền;
- Nguồn số 02: Từ khu vực khuấy trộn;
- Nguồn số 03: Từ quạt hút của hệ thống xử lý khí thải.

2. Tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung đến hết ngày 31/12/2026 và QCVN 26:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung từ ngày 01/01/2027, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn đến hết ngày 31/12/2026:

Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	55	-	Khu vực thông thường

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn từ ngày 01/01/2027:

Ban ngày (06 giờ đến trước 18 giờ) (dBA)	Tối (18 giờ đến trước 22 giờ) (dBA)	Ban đêm (22 giờ đến trước 6 giờ) (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	65	60	-	Khu vực E

2.2. Độ rung:

- Giá trị giới hạn đối với độ rung đến hết ngày 31/12/2026:

Từ 6 giờ đến 22 giờ (dB)	Từ 22 giờ đến 6 giờ (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	60	-	Khu vực thông thường

- Giá trị giới hạn đối với độ rung từ ngày 01/01/2027:

Ngày (06 giờ đến trước 22 giờ) (dB)	Đêm (22 giờ đến trước 06 giờ) (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
75	70	-	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, tiến hành khắc phục khi máy có hiện tượng lỗi; các thiết bị không sử dụng được tắt giảm thiểu tác động cộng hưởng giữa các thiết bị.

- Trang bị nút tai cho công nhân, người lao động khi làm việc trong môi trường có tiếng ồn lớn.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại các xưởng sản xuất; có chế độ cho những vị trí việc làm chịu ảnh hưởng lớn của hoạt động sản xuất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; tổ chức khám chữa bệnh định kỳ cho cán bộ, công nhân.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Lắp đệm cao su chống rung cho các máy móc, thiết bị có độ rung cao.

- Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, tiến hành khắc phục khi máy có hiện tượng lỗi; các thiết bị không sử dụng được tắt giảm thiểu tác động cộng hưởng giữa các thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	3
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	80
3	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	7
	Tổng			90

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Pallet gỗ, pallet nhựa	200
2	Chất thải hỗn hợp (gang tay, bảo hộ lao động không dính thành phần nguy hại, palet hỏng,...)	20
3	Chất thải văn phòng (giấy, vật liệu văn phòng)	30
4	Bao bì đựng nguyên liệu không chứa TPNH	100
	Tổng	350

1.3. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

STT	Chất thải	Mã CTPKS	Khối lượng (kg/năm)
1	Than hoạt tính thải bỏ từ quá trình xử lý khí thải	18 02 01	210
2	Bao bì nhựa cứng (nhiễm thành phần nguy hại) thải	18 01 03	400

3	Bao bì kim loại cứng (nhiễm thành phần nguy hại) thải	18 01 02	100
4	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác	17 08 03	3120
5	Cặn sơn thải từ quá trình phun sơn kiểm tra chất lượng, công đoạn lọc	08 01 01	300
6	Găng tay, quần áo bảo hộ dính thành phần nguy hại	18 02 01	50
	Tổng		4180

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 7,5 kg/ngày chủ yếu là túi nilon, chai nhựa, vỏ bánh kẹo, trái cây,....

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Chủ dự án bố trí các thùng nhựa có nắp đậy dung tích 40 lít-200 lít/thùng, mỗi loại chất thải đựng vào thùng chứa riêng, trên mỗi thùng có dán mã chất thải tương ứng, dấu hiệu cảnh báo, lưu giữ tại khu vực chứa CTNH.

2.1.2. Khu lưu chứa/kho lưu chứa:

- Khu lưu chứa: 01 kho chứa có diện tích 5 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho chứa có nền bê tông chống thấm; có biển cảnh báo, phòng ngừa theo quy định, trang bị dụng cụ, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý CTNH theo đúng quy định, tần suất dự kiến khoảng 01 tháng/lần (có thể thay đổi nhà thầu và tần suất vận chuyển tùy theo nhu cầu thực tế).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa dung tích 100 lít có nắp đậy để lưu giữ chất thải.

2.2.2. Khu lưu chứa/kho lưu chứa:

- Khu lưu chứa: 01 kho chứa có diện tích 5 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho chứa có mái che, có cửa ra vào, biển báo.

Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Chủ dự án bố trí các thùng chứa chất thải dung tích 05-10 lít/thùng đặt tại các khu vực phát sinh để thu gom và phân loại.

- Khu lưu chứa/kho lưu chứa: Không bố trí.

Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị đủ chức năng đến vận chuyển và xử lý theo đúng quy định, tần suất dự kiến khoảng 2 lần/tuần (có thể thay đổi nhà thầu và tần suất vận chuyển tùy theo nhu cầu thực tế).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy trình của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ CTNH, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường (không bao gồm chất thải ký hiệu TT-R), CTNH cho đơn vị chức năng theo quy định./.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**
(*Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND*
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG****Công ty TNHH Lâm Anh Chemtech Vina có trách nhiệm thực hiện:**

1. Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường được cấp.
2. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực của dự án.
3. Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình hoạt động của dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.
4. Vận hành thường xuyên công trình xử lý nước thải tại dự án để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh đảm bảo đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của CCN; không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.
5. Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý khí thải để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường.
6. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Tiên Phong trước ít nhất 10 (mười) ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.
7. Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

8. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4 kèm theo, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.